

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2023/HS-PT

Ngày: 07/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC G

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Bảo

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Ngừ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc G tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Diễm Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 07 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc G T hành xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 158/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 05 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Bằng G do có kháng cáo của bị cáo G đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2023/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Bằng G, sinh năm 1975; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Làng Chũ, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc G.

Nghề nghiệp: Công chức; đơn vị công tác: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bắc G;

Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã có Quyết định đình chỉ chức vụ bí thư chi bộ số: 1824/QĐ-HU ngày 22/8/2019; Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số: 33/QĐ-UBKTHU ngày 31/3/2021 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Lạng G); con ông: Phạm Quý B; con bà: Lê Thị S; Gia đình có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Lê Thị L; bị cáo có 02 con, lớn sinh 2004, nhỏ sinh 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Văn Hoan, Luật sư Phan N Quang- Văn phòng Luật sư Đào Nguyễn; Địa chỉ: Phòng 601, Tòa Housinco, số 288 đường Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (ông Hoan có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án; ông Quang có mặt)

Luật sư Huỳnh Phương Nam, Văn phòng Luật sư Huỳnh Nam, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

- *Bị hại:* Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc G, do ông Hoàng Thế H- Chức vụ Phó Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND huyện Sơn Động do ông Lê Đức T- Chức vụ Phó Chủ tịch là người đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện Sơn Động: Ông N Đức V, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Sơn Động (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

2. Ông Nguyễn N Ng, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 4, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

3. Ông Nguyễn Việt U, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hạ 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

4. Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1962 (có mặt khi xét xử, vắng khi tuyên án)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hạ 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

5. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1972 (có mặt khi xét xử, vắng khi tuyên án)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

6. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Bài, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

7. Ông Bùi Hữu T, sinh năm 1989 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 4, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

8. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đồng Tâm, xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

9. Bà Đặng Thị C, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc G.

10. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc G.

11. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Làng Chũ, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc G.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trịnh Quý H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Mậu, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

2. Bà Lê Thị S, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Bình Dương, xã N Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc G.

3. Ông Trần Quốc D, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Khu 3, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc G.
5. Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1962 (có mặt khi xét xử, vắng khi tuyên án)
Nơi cư trú: Tổ dân phố Hạ 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.
6. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1972 (có mặt khi xét xử, vắng khi tuyên án)
Nơi cư trú: Tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.
7. Ông Bùi Hữu T, sinh năm 1989 (có mặt khi xét xử, vắng khi tuyên án)
Nơi cư trú: Tổ dân phố số 4, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/11/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc G ra Quyết định số 1738/QĐ-UBND về việc phê duyệt lại dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch đấu thầu công trình dự án cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 293 và các tuyến nhánh vào Tây Yên Tử, chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc G, chi phí giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án là ngân sách nhà nước. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc G giao cho Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc G là chủ đầu tư và giao cho Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng địa phận huyện Sơn Động.

Năm 2011, anh Nguyễn Văn N biết được thông tin khu vực xã Tuấn Mậu (Nay là tổ dân phố Mậu, thị trấn Tây Yên Tử), huyện Sơn Động có dự án xây dựng khu du lịch tâm linh và xây dựng mở rộng đường Tây Yên Tử nên anh N có nhu cầu mua 01 mảnh đất để kinh doanh. Thời gian này anh N có quen biết với Phạm Bằng G đang làm Phó giám đốc Ban quản lý khu bảo tồn Tây Yên Tử, trụ sở đóng tại thị trấn Tây Yên Tử. Biết G có quen biết với một số người dân và cán bộ xã Tuấn Mậu, nên anh N có nhờ G tìm mua hộ 01 lô đất ở xã Tuấn Mậu thì G đồng ý. Sau khi tìm hiểu G biết gia đình ông Triệu Hữu Được có 01 lô đất diện tích 480m², trong đó có 200m² là đất thổ cư và 280m² đất trồng cây lâu năm ở thôn Mậu, xã Tuấn Mậu muốn bán nên G đã đến hỏi mua và thỏa thuận với gia đình ông Được giá mua lô đất trên là 200.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận giá cả với gia đình ông Được xong, G thông báo lại với anh N giá mua lô đất trên là 360.000.000 đồng, anh N đồng ý mua và nhờ G làm toàn bộ hồ sơ, thủ tục mua bán, chuyển nhượng đất cho mình thì G đồng ý. Ngày 28/5/2011, G làm thủ tục mua lô đất trên của gia đình ông Được lấy tên người mua là anh Nguyễn Văn N; sau đó G đã làm toàn bộ thủ tục, hồ sơ chuyển nhượng đất lấy tên anh N. Ngày 25/7/2011, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01343 mang tên Nguyễn Văn N đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên, sau đó G đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N.

Ngày 31/12/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc G ban hành Quyết định số 2381/QĐ-UBND về việc điều chỉnh và giao chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công trong kế hoạch năm 2016, theo đó chủ đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh

293 và tuyến nhánh vào Tây Yên Tử, chùa Vĩnh Nghiêm được điều chỉnh từ Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc G sang Ban quản lý dự án đầu tư, xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bắc G (nay là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các Công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc G).

Ngày 23/7/2015, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động có Quyết định số 750/QĐ-UBND về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng 15.947,5m² đất của 52 hộ gia đình, cá nhân ở thị trấn Thanh Sơn và xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G, trong đó có thu hồi diện tích đất 116,7m² đất thổ cư trong tổng số 480m² đất của hộ gia đình anh Nguyễn Văn N. Cùng ngày 23/7/2015, UBND huyện Sơn Động có Quyết định số 751/QĐ-UBND việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án xây dựng Đường tỉnh 293 và tuyến nhánh vào Tây Yên Tử đợt 8, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

Căn cứ phương án đã được UBND huyện Sơn Động phê duyệt, ngày 07/8/2015, Ban quản lý dự án đầu tư, xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bắc G (nay là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc G) đã chuyển tiền về tài khoản tiền gửi của Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện Sơn Động (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông, xây dựng, môi trường huyện Sơn Động) theo Giấy rút vốn đầu tư số 65 ngày 05/8/2015, hỗ trợ, tái định cư được UBND huyện Sơn Động phê duyệt. Trung tâm Phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện Sơn Động rút tiền chi trả dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc G quản lý theo phương án bồi thường. Phạm Bằng G chiếm đoạt số tiền 70.020.000 đồng là chiếm đoạt tiền nhà nước do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các Công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc G do Ban quản lý dự án đầu tư xây đại diện quản lý.

Biết được thông tin Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án mở rộng đường tỉnh 293 và tuyến đường nhánh vào Khu du lịch tâm linh- sinh thái Tây Yên Tử, tại xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động nên G đã gặp và nói cho anh N biết, anh N có đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng minh thư nhân dân của N cho G và nhờ G hỏi xem diện tích đất của N có nằm trong diện được đền bù giải phóng mặt bằng không thì G đồng ý. Sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng minh thư nhân dân của anh N, G đã gặp và đưa cho anh Hoàng Văn Đ là cán bộ địa chính xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động để kiểm tra hồ sơ. Sau đó G được anh Đ thông báo diện tích đất của anh N bị thu hồi 116,7m² đất thổ cư, tuy nhiên G không thông báo cho anh N biết. Sau đó G đã gặp anh Bùi Hữu T là cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sơn Động (là thành viên Tổ công tác kiểm kê tài sản trên đất, có trách nhiệm lập hồ sơ diện tích đất của anh Nguyễn Văn N bị thu hồi). Khi gặp anh T, G hỏi anh T là không có sổ đỏ gốc có lấy được tiền bồi thường không, anh T trả lời là không lấy được. G nói với anh T là diện tích đất mang tên anh Nguyễn Văn N là G mua chung với anh N và đứng tên anh N, hiện anh N đi nước ngoài không có nhà. Sau khi được G nói thông tin như trên, anh T có đến hỏi ông Triệu Hữu Được và cán

bộ địa chính xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động thì được ông Được và cán bộ địa chính xã Tuấn Mậu cho biết, diện tích đất của anh N bị thu hồi để giải phóng mặt bằng là do Phạm Bằng G là người đứng ra mua. Do tin tưởng lời nói của G nên anh T viết thêm tên Phạm Hồng G vào phía dưới tên Nguyễn Văn N trong hồ sơ nhận tiền đền bù đất của anh N. Sau đó Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Sơn Động quyết định thu hồi tổng số diện tích đất của anh N là 116,7m² đất thổ cư và bồi thường tổng số tiền là 70.020.000 đồng.

Ngày 11/5/2016, Phạm Bằng G đến Ủy ban nhân dân xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động để nhận tiền đền bù diện tích đất của anh Nguyễn Văn N. Khi đến nhận tiền, G xuất trình giấy chứng minh thư nhân dân của G và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn N cho bộ phận chi trả tiền đền bù, lúc đó ông Hoàng Văn D là thủ quỹ của Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện Sơn Động trực tiếp chi trả tiền đền bù cho G. Khi kiểm tra thông tin trong danh sách chi trả tiền ông D thấy danh sách ghi là Nguyễn Văn N (Phạm Hồng G) nên đã viết thêm chữ Phạm Bằng G như trong giấy chứng minh thư của G dưới chữ Phạm Hồng G, sau đó G ký vào danh sách nhận tiền và nhận số tiền 70.020.000 đồng. Sau khi chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất 116,7m² của gia đình anh Nguyễn Văn N, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Sơn Động không thu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc của hộ anh Nguyễn Văn N để chỉnh lý mà vẫn giữ nguyên bản gốc rồi trả lại cho G.

Đối với Phạm Bằng G, sau khi nhận được số tiền 70.020.000 đồng nêu trên, G đã không thông báo cho anh N biết việc đất của anh N bị Nhà nước thu hồi và được bồi thường số tiền 70.020.000 đồng, G đã giữ lại số tiền đã nhận. Anh N có hỏi G là đất của anh N có được đền bù gì không thì G nói là không được đền bù gì, G cũng không trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N ngay mà đưa cho mẹ đẻ G là bà Lê Thị Sáu giữ hộ, anh N đã nhiều lần gọi điện yêu cầu G trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình nhưng G không trả. Đến khoảng tháng 5/2017, G gọi điện cho anh N nói với anh N là đến nhà bà Lê Thị Sáu để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó anh N đã đến nhà bà Sáu để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình.

Khoảng tháng 5 năm 2018, anh N có nhu cầu bán toàn bộ số diện tích đất nêu trên và nhờ G xin xác nhận hiện trạng diện tích đất đó, G nhận lời nhưng không làm nên anh N đã đến Ủy ban nhân dân xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động gặp anh Trịnh Quý Huy là cán bộ địa chính xã, anh Huy kiểm tra lại thấy đất của anh N đã bị Nhà nước thu hồi 116,7m² đất thổ cư và được bồi thường số tiền 70.020.000 đồng nên anh Huy đã thông báo cho anh N biết. Lúc này anh N mới biết G đã lấy số tiền đền bù giải phóng mặt bằng là 70.020.000 đồng của mình, sau đó anh N đã yêu cầu G về nhà anh N để nói chuyện về việc tại sao G không thông báo về việc Nhà nước thu hồi đất và trả tiền đền bù cho anh. Ngày 18/8/2018, G đến nhà anh N nói chuyện với vợ chồng anh N và thừa nhận bản thân đã lấy tiền đền bù giải phóng mặt bằng của anh N được hưởng nhưng không thông báo cho anh N biết, số tiền trên G đã chót chi tiêu vào việc

khác; G thừa nhận là sai và xin vợ chồng anh N cho hướng giải quyết để khắc phục hậu quả, G có đề nghị trả lại cho anh N số tiền 100.000.000 đồng nhưng anh N không đồng ý. Anh N có đề nghị G bán hộ anh N mảnh đất của mình với giá 900.000.000 đồng, G hứa sẽ tìm người mua hộ anh N. Quá trình nói chuyện với G, anh N đã ghi âm lại toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện trên.

Sau khi nói chuyện với anh N do G không tìm được người mua đất cho anh N nên ngày 19/8/2018 anh N đã làm đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Phạm Bằng G.

Quá trình điều tra, Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện Sơn Động đã giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu, giấy tờ liên quan đến công tác bồi thường giải phóng mặt của các hộ dân, trong đó có bản Danh sách nhận tiền bồi thường dự án giải phóng mặt bằng Đường tỉnh 293 và tuyến nhánh Tây Yên Tử theo Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động ghi ngày 11/6/2015 do G ký nhận.

Ngày 07/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Động đã ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc G giám định chữ ký, chữ viết trong Danh sách nhận tiền G đã ký nhận ngày 11/6/2015 so với mẫu chữ viết, chữ ký thu của Phạm Bằng G có phải do một người viết ra hay không.

Ngày 21/01/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc G có kết luận số 97/KL-KTHS kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Bằng G tại cột “Ký nhận - Họ và tên” trên các tài liệu giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Bằng G trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 25/3/2019, anh Nguyễn Văn N giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Sơn Động 01 USB ký hiệu PNY 4GB, bên trong chứa đoạn ghi âm giọng nói có nội dung việc trao đổi giữa vợ chồng anh N và Phạm Bằng G liên quan đến việc thu hồi đất và chi trả số tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

Ngày 11/4/2019, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ công an giám định âm thanh, giọng nói được lưu giữ trong USB do anh N cung cấp và mẫu giọng nói của Phạm Bằng G và anh Nguyễn Văn N, Đặng Thị Cúc có bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung không; xác định thời gian khởi tạo, có giọng nói của Phạm Bằng G và anh Nguyễn Văn N, Đặng Thị Cúc không, chuyển nội dung cuộc hội thoại trong mẫu thành văn bản. Ngày 24/6/2019, Viện khoa học hình sự Bộ Công an có kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tập tin âm thanh trong mẫu cần giám định; không xác định được thời gian khởi tạo tập tin âm thanh trong mẫu cần giám định; Tg nói của người đàn ông xưng là “em” trong tập tin âm thanh trong mẫu cần giám định (ký hiệu là “G” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và Tg nói của Phạm Bằng G trong mẫu so sánh là của cùng một người. Tg nói của người đàn ông xưng là “anh” trong tập tin âm thanh trong mẫu cần giám định (ký hiệu là “N” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và Tg nói của

Nguyễn Văn N trong mẫu so sánh là của cùng một người. Tg của người phụ nữ trong tham gia cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định có chất lượng kém, không đủ điều kiện giám định. Nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định đã được dịch ra thành văn bản. Kèm theo kết luận gồm 01 bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định (gồm 20 trang giấy A4).

Sau khi anh Nguyễn Văn N có đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Phạm Bằng G, tháng 10/2018, G đã đến gặp ông Nguyễn N Ngữ là Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng, Đường tỉnh 293 thuộc dự án xây dựng Đường tỉnh 293 để nộp lại số tiền 70.020.000 đồng nhưng ông Ngữ không nhận. Ngày 05/10/2018, Phạm Bằng G đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Động toàn bộ số tiền 70.020.000 đồng đã chiếm đoạt.

Quá trình điều tra vụ án ban đầu Phạm Bằng G thừa nhận hành vi phạm tội của mình, sau G không thừa nhận hành vi phạm tội và liên tục thay đổi lời khai cụ thể như sau:

Ban đầu G khai nhận: Khoảng năm 2011 anh N có gặp G và nhờ G tìm mua đất giúp. Sau một thời gian G biết ông Triệu Hữu Được ở thôn Mậu, xã Tuấn Mậu có nhu cầu cần bán đất. G có điện thoại cho anh N thông tin về giá cả lô đất, anh N đồng ý mua. G đứng ra làm các giấy tờ, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh N. Chi phí trích đo, thuế để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất G nhờ anh Đ là cán bộ địa chính xã đóng hộ. Sau khi mua anh N nhờ G đi lại quản lý giúp nên nhiều người và chính quyền địa phương xã Tuấn Mậu nghĩ là đất G mua nhưng đứng tên người khác. Cuối năm 2014 đầu năm 2015 chính quyền xã Tuấn Mậu thông tin cho G là địa phương sẽ tổ chức đo đạc giải phóng mặt bằng làm đường Tây Yên Tử trên đất G mua hộ anh N, G biết thông tin trên nên đã thông báo cho anh N biết và bảo anh N mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc và bản phô tô công chứng nộp cho xã Tuấn Mậu để được giải quyết. Khi anh N đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho G, nhờ G giải quyết giúp xem đất có được đền bù không, tôi không nói rõ là được đền bù thì tôi lấy tiền hộ. Bản thân G không được cung cấp bất cứ tài liệu gì cho Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng, G chỉ được cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chứng minh thư phô tô mang tên anh Nguyễn Văn N cho anh Đ địa chính xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động, sau đó anh Đ thông tin cho G đến lấy tiền, khi đến trụ sở UBND xã Tuấn Mậu, G được hướng dẫn làm tờ khai nhận tiền và đến nơi phát tiền xem danh sách có tên Nguyễn Văn N, dưới ghi Phạm Hồng G, G đề nghị họ sửa lại cho đúng là Phạm Bằng G, sau đó G ký và nhận tiền. G có được nhận số tiền 70.020.000 đồng vào ngày 11/5/2016 từ Ban giải phóng mặt bằng tại trụ sở UBND xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động, số tiền trên là tiền đền bù giải phóng mặt bằng trên đất của anh Nguyễn Văn N, tại xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động. Sau khi nhận được tiền đền bù G không thông báo ngay cho anh N, G giữ tiền tại cơ quan chưa sử dụng vào mục đích gì.

Sau đó G thay đổi lời khai như sau: G khai sau khi nhận tiền được khoảng 3- 4 ngày G đã thông báo cho anh N biết, anh N có nói với G là G cứ cầm số tiền trên khi

nào anh N sẽ đến nhà G lấy và thanh toán với G. Sau đó G tiếp tục thay đổi lời khai, G khai: Sau khi được anh N đưa cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chứng minh thư phô tô mang tên anh Nguyễn Văn N, G có nộp cho anh Hoàng Văn Đ là cán bộ địa chính xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động cùng với 02 hồ sơ mua bán đất của G mà G đã mua 02 mảnh đất ở xã Tuấn Mậu vào năm 2011. Sau đó G nhận được điện thoại của anh Đ báo cho G lên lấy tiền bồi thường đền bù thì G lên lấy, lúc đầu G nghĩ số tiền G nhận là tiền G được bồi thường đối với 02 mảnh đất của G, sau này khi được anh Trịnh Quý Huy cán bộ địa chính xã Tuấn Mậu (thay anh Đ), điện cho G thông báo cho G biết số tiền đó là tiền của anh N thì G mới biết số tiền G nhận là của anh N, khi biết là tiền của anh N, G đã mang đến trả anh N nhưng anh N không nhận.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKS-SD ngày 20/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo Phạm Bằng G về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Bằng G phạm tội “Lừa chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174, các điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Bằng G từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Trả cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc G số tiền 70.020.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Phạm Bằng G, người bào chữa cho bị cáo không nhất trí với quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xác định bản Cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi, tội danh là sai, bị cáo không chiếm đoạt tiền của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc G, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc G không phải là bị hại. Bị cáo nhận số tiền do Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng lừa trả cho bị cáo và nay lại cho rằng bị cáo chiếm đoạt là không có căn cứ. Bị cáo có tội danh hay không do Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động đã căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174, điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 48 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Bằng G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Bằng G 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước. Ngoài ra bản án còn giải quyết về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/4/2023 bị cáo G có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại đơn đề nghị ngày 05/7/2023 bị cáo cho rằng:

- Bản chất vụ án là việc vi phạm các quy định về việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng của cán bộ các cấp chính quyền địa phương dẫn đến sự nhầm lẫn của bị cáo về việc thu hồi.

- Áp dụng điều luật không đúng; cả lý luận và thực tiễn bị cáo không dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản là tiền ngân sách nhà nước.

- Việc điều tra, thu thập chứng cứ không khách quan do người không được phân công điều tra thực hiện. Có biện pháp xác minh trên thực địa 02 thửa đất có của bị cáo là thửa đất số 256 tờ bản đồ số 62 địa chỉ thôn Mậu, xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động; thửa số 316 tờ bản đồ số 42 địa chỉ thôn Bài, xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động với thửa đất của anh N bị thu hồi là thửa 182a tờ bản đồ số 01 thôn Mậu, xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động để khẳng định có sự nhầm lẫn hoặc cố tình làm trái của cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ xây dựng phương án bồi thường.

Tại đơn đề nghị ghi ngày 20/7/2023 bị cáo cho rằng: Bản án sơ thẩm kết tội bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của Ban quản lý dự án, tuy nhiên bản án không mô tả thủ đoạn gian dối này là gì, như thế nào; bị cáo có hành vi nào gian dối với bị hại?...

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và căn cứ kháng cáo.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo đều thống nhất trình bày: Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo G dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của Ban quản lý dự án nhưng không nêu rõ hành vi nào là gian dối ngoài liệt kê diễn biến vụ việc. Lời khai của anh T cho rằng bị cáo G gian dối nhưng bị cáo G không thừa nhận, chỉ có lời khai của anh T nên lời khai của anh T không có giá trị chứng cứ. Việc thu thập chiếc USB do anh N cung cấp là đúng theo thủ tục tố tụng nên lời ghi âm trong USB do cơ quan giám định cung cấp là không có giá trị chứng cứ. Các biên bản do Điều tra viên Hoàng Hồng Quân T hành là không có giá trị chứng minh. Các cán bộ thực hiện giải phóng mặt bằng đã làm sai và nhầm lẫn trong việc lập hồ sơ và trả tiền nhầm cho bị cáo G nhưng lại cho là bị cáo G lừa dối là oan cho bị cáo G.

Không có căn cứ để buộc tội bị cáo G phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo G không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ông Hoàng Văn D, anh Hoàng Văn Đ, anh Bùi Hữu T đều trình bày như các lời khai tại quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích yêu cầu kháng cáo, căn cứ kháng cáo của các bị cáo, lời bào chữa của các luật sư và hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Bằng G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không phạm tội, bản án sơ thẩm buộc tội là oan cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo G được nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa đại diện bị hại, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập đại diện bị hại và anh Nguyễn Văn N. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và vụ án đã hoãn phiên tòa nhiều lần. Tòa án đã áp dụng biện pháp dẫn giải đối với anh N nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập: Quá trình điều tra vụ án bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo đã khiếu nại đối với hành vi T hành tố tụng của điều tra viên Hoàng Hồng Quân và đã được giải quyết theo đúng quy định của luật. Các hoạt động tố tụng khác không có ai khiếu nại. Do vậy hoạt động điều tra thu thập chứng cứ và các tài liệu của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên là đúng quy định của pháp luật và được xem theo luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo đều cho rằng bị cáo không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và việc xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa thì hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh cụ thể như sau:

Tại bản tự khai và các lời khai ban đầu trong quá trình điều tra vụ án (tại các BL số 66, 146, 153, 155, 156, 162, 165, 171, 177 ...), bị cáo Phạm Bằng G đã khai bị cáo biết số tiền 70.020.000 đồng mà bị cáo nhận từ Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng là tiền Nhà nước bồi thường trả cho ông Nguyễn Văn N do bị thu hồi đất, bị cáo không thông báo cho ông N được biết về đất của ông N bị thu hồi và việc bị cáo nhận tiền; sau khi anh N biết đất bị thu hồi thì tháng 8/2018 bị cáo có đến gặp anh N thương lượng xin trả lại tiền cho anh N.

Lời khai ban đầu trong quá trình điều tra của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện UBND huyện Sơn Động, ông Nguyễn Văn N, ông Bùi Hữu T, ông Hoàng Văn Đ, ông Hoàng Văn D và phù hợp với bản dịch Kết luận giám định về cuộc nói chuyện giữa bị cáo với ông N trong đoạn ghi âm mà ông N cung cấp về việc bị cáo biết đất bị thu hồi và tiền đền bù bị cáo nhận là của ông N, nhưng bị cáo không thông báo cho ông N biết. Việc bị cáo thay đổi lời khai cho rằng số tiền 70.020.000 đồng bị cáo nhận

tại Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng do bị cáo tường số tiền đó là tiền bị cáo được bồi thường là hoàn toàn không có căn cứ chấp nhận.

[5] Diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Biết được thông tin Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án mở rộng đường tỉnh 293 và tuyến đường nhánh vào Khu du lịch tâm linh- sinh thái Tây Yên Tử, tại xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động nên G đã gặp và nói cho anh N biết, anh N có đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng minh thư nhân dân của anh N cho G và nhờ G hỏi xem diện tích đất của mình có nằm trong diện được đền bù giải phóng mặt bằng không thì G đồng ý. Sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng minh thư nhân dân của anh N đưa cho, G đã gặp và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng minh nhân dân của anh N cho anh Hoàng Văn Đ là cán bộ địa chính xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động để kiểm tra hồ sơ. Sau đó G đã gặp anh Bùi Hữu T là cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sơn Động (là thành viên Tổ công tác kiểm kê tài sản trên đất, có trách nhiệm lập hồ sơ diện tích đất của anh Nguyễn Văn N bị thu hồi). Khi gặp anh T, G hỏi anh T là không có sổ đỏ gốc có lấy được tiền bồi thường không, anh T trả lời là không lấy được. G nói với anh T là diện tích đất mang tên anh Nguyễn Văn N là G mua chung với anh N và đứng tên anh N, hiện anh N đi nước ngoài không có nhà. Như vậy là G đã có những hành vi gian dối với N và gian dối với anh T là người đang thực hiện lập hồ sơ để trả tiền cho người bị thu hồi đất.

[6] Do hành vi gian dối của bị cáo G với anh Bùi Hữu T là cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sơn Động nên anh T có đến hỏi ông Triệu Hữu Được và cán bộ địa chính xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động thì được ông Được và cán bộ địa chính xã Tuấn Mậu cho biết, diện tích đất của anh N bị thu hồi để giải phóng mặt bằng là do Phạm Bằng G là người đứng ra mua. Do hành vi gian dối của bị cáo G và tin tưởng lời nói của G nên anh T viết thêm tên Phạm Hồng G vào phía dưới tên Nguyễn Văn N trong hồ sơ nhận tiền đền bù đất của anh N.

Sau đó G được anh Đ thông báo diện tích đất của anh N bị thu hồi 116,7m² đất thổ cư, tuy nhiên G không thông báo cho anh N biết. Như vậy là G đã tiếp tục có hành vi gian dối với anh N để anh N không biết đất của anh N bị thu hồi một phần. Đây là nguyên nhân để anh N không đến xã Tuấn Mậu xem xét thửa đất có bị thu hồi không, cũng là cơ hội để G chiếm đoạt được tiền bồi thường của Nhà nước.

[7] Ngày 11/5/2016, Phạm Bằng G đến Ủy ban nhân dân xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động để nhận tiền đền bù diện tích đất của anh Nguyễn Văn N. Khi đến nhận tiền, G xuất trình giấy chứng minh thư nhân dân của G và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn N cho bộ phận chi trả tiền đền bù, lúc đó ông Hoàng Văn Đ là thủ quỹ của Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện Sơn Động trực tiếp chi trả tiền đền bù cho G. Khi kiểm tra thông tin trong danh sách chi trả tiền ông Đ thấy danh sách ghi là Nguyễn Văn N (Phạm Hồng G) nên đã viết thêm chữ Phạm Bằng G như trong giấy chứng minh thư của G dưới chữ Phạm Hồng G, sau đó G ký vào danh sách nhận tiền và nhận số tiền 70.020.000 đồng. Sau khi chi

trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất 116,7m² của gia đình anh Nguyễn Văn N, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Sơn Động không thu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc của hộ anh Nguyễn Văn N để chỉnh lý mà vẫn giữ nguyên bản gốc rồi trả lại cho G.

Việc G đến nhận tiền mà G phải xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh N mới lấy được tiền thì đương nhiên G đã biết đất bồi thường là đất của anh N. G không nói cho anh N biết và không nói gì với ông D về tiền này là của anh N là tiếp tục gian dối với anh N và cố tình gian dối với người đang thực thi trả tiền giải phóng mặt bằng. Việc ông D tin trả tiền cho G là nghĩ đúng đối tượng cũng có nguyên nhân do G gian dối với anh N và gian dối với anh T như phân tích ở trên nên dẫn đến hồ sơ giấy tờ thu hồi đất của anh Nguyễn Văn N nhưng lại ghi thêm Phạm Hồng G và dẫn đến việc ông D trả sai 70.020.000 đồng cho G.

[8] Bị cáo G, sau khi nhận được số tiền 70.020.000 đồng nêu trên, G vẫn không thông báo cho anh N biết việc đất của anh N bị Nhà nước thu hồi và được bồi thường số tiền 70.020.000 đồng, G đã giữ lại số tiền đã nhận. Anh N có hỏi G là đất của mình có được đền bù gì không thì G nói là không được đền bù gì, G cũng không trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N ngay mà đưa cho mẹ đẻ G là bà Lê Thị Sáu giữ hộ, anh N đã nhiều lần gọi điện yêu cầu G trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình nhưng G không trả. Đến khoảng tháng 5 năm 2017, G gọi điện cho anh N nói với anh N là đến nhà bà Lê Thị Sáu để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó anh N đã đến nhà bà Sáu để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình. Khoảng tháng 5 năm 2018, anh N có nhu cầu bán toàn bộ số diện tích đất nêu trên và nhờ G xin xác nhận hiện trạng diện tích đất đó, G nhận lời nhưng không làm nên anh N đã đến Ủy ban xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động gặp anh Trịnh Quý Huy là cán bộ địa chính xã, anh Huy kiểm tra lại thấy đất của anh N đã bị Nhà nước thu hồi 116,7m² đất thổ cư và được bồi thường số tiền 70.020.000 đồng nên anh Huy đã thông báo cho anh N biết. Lúc này anh N mới biết G đã lấy số tiền đền bù giải phóng mặt bằng là 70.020.00 đồng của mình. Sau đó anh N đã yêu cầu G về nhà mình để nói chuyện về việc tại sao G không thông báo về việc Nhà nước thu hồi đất và trả tiền đền bù cho anh. Ngày 18/8/2018, G đến nhà anh N nói chuyện với vợ chồng anh N và thừa nhận bản thân đã lấy tiền đền bù giải phóng mặt bằng của anh N được hưởng nhưng không thông báo cho anh N biết, số tiền trên G đã chót chi tiêu vào việc khác; G thừa nhận là sai và xin vợ chồng anh N cho hướng giải quyết để khắc phục hậu quả, G có đề nghị trả lại cho anh N số tiền 100.000.000 đồng nhưng anh N không đồng ý. Anh N có đề nghị G bán hộ anh N mảnh đất của mình với giá 900.000.000 đồng, G hứa sẽ tìm người mua hộ anh N. Quá trình nói chuyện với G, anh N đã ghi âm lại toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện trên. Sau khi nói chuyện với anh N do G không tìm được người mua đất cho anh N nên ngày 19/8/2018 anh N đã làm đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Phạm Bằng G. Như vậy là sau khi nhận tiền, G đã có nhiều hành vi tiếp tục gian dối với anh N để che giấu hành vi phạm tội của mình.

[9] Bị cáo G là người nộp bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh N cho cán bộ địa chính để làm thủ tục hồ sơ đền bù đất. Bị cáo G là người ký vào “Giấy bàn giao mặt bằng và di chuyển tài sản trên đất cho HĐ GPMB...”, địa chỉ thửa đất thôn Mậu, xã Tuấn Mậu. Bị cáo trực tiếp xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh N (bản gốc) mới được nhận tiền, tại thời điểm nhận tiền bị cáo không có đất ở thôn Mậu, xã Tuấn Mậu nên lời trình bày của bị cáo và các luật sư cho rằng bị cáo khi nhận tiền bị cáo nhầm là đất bị thu hồi là đất của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo và các luật sư của bị cáo có khiếu nại một số hành vi thu thập chứng cứ trong quá trình điều tra vụ án và đã được Cơ quan Điều tra trả lời khiếu nại và việc thiếu sót đó không làm sai gì về nội dung vụ án.

[10] Từ những phân tích trên thì Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động đã căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174, điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 48 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Bằng G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; Phạt bổ sung bị cáo Phạm Bằng G 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo G cũng như lời bào chữa của các luật sư bào chữa cho bị cáo và có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Nội dung vụ án này cho thấy một số cán bộ thực hiện thủ tục giải phóng mặt bằng đã không làm đúng, không làm hết trách nhiệm, tạo cơ hội để bị cáo G lợi dụng chiếm đoạt 70.020.000 đồng từ nguồn vốn Nhà nước. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G xem xét trách nhiệm của cán bộ có vi phạm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 11/2023/HS-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

1. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174, điểm b, v khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 48 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Bằng G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Phạm Bằng G phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn) để xung vào công quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc G số tiền 70.020.000 đồng (Bảy mươi triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn). Số tiền trên hiện đang được quản lý, lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc G.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Phạm Bằng G phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc G;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc G;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- CA, VKS, TA huyện Sơn Động ;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Bị cáo;
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Bảo

Nguy